MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 3

1. Rủi ro kinh tế 3
2. Rủi ro pháp luật 3
3. Rủi ro đặc thù 3
4. Rủi ro tài chính 3
5. Rủi ro khác 4

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 4

1. Tổ chức niêm yết 4
2. Tổ chức tư vấn 4

III. CÁC KHÁI NIỆM 5

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 5

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 5
2. Cơ cấu tổ chức 9
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty 9
4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ 10
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức xin đăng ký, những Công ty mà tổ chức đăng ký nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký 11
6. Hoạt động kinh doanh 11
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất 16
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 18
9. Chính sách đối với người lao động 23
10. Chính sách cổ tức 25
11. Tình hình hoạt động tài chính 25
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát 29
13. Tài sản 38
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tới 39

15. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 39
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....40
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu 41

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ 41

1. Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông 41
2. Mệnh giá: 10.000 đồng 41
3. Tổng số cổ phần đăng ký: 1.041.558 cổ phần.....41
4. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 41
5. Các loại thuế có liên quan 42

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ 42

1. Tổ chức tư vấn.....42
2. Tổ chức kiểm toán.....42

VII. PHỤ LỤC..... ERROR! BOOKMARK NOT DEFINED.

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ..... **Error! Bookmark not defined.**
2. Phụ lục II: Nghị quyết của Đại hồi Đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòngvề đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ..... **Error! Bookmark not defined.**
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006 và Báo cáo tài chính 3 tháng đầu năm 2007. ..... **Error! Bookmark not defined.**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải hàng hải nói chung và nhu cầu sử dụng dịch vụ vận tải xăng dầu nói riêng. Đặc biệt Chính phủ cũng đã có chiến lược phát triển cho ngành hàng hải đến giai đoạn 2010. Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 7% - 8% /năm trong các năm tới là hoàn toàn khả thi. Mặt khác, khi Việt Nam gia nhập WTO sẽ tạo cho nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng cao nhưng cũng mang đến nhiều thách thức trong quá trình cạnh tranh. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành vận tải nói chung và hoạt động kinh doanh của HPCTT nói riêng.

2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Xi măng Hải Phòng chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nhiều văn bản khác. Tuy nhiên, hệ thống văn bản này vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện nên còn có những mặt hạn chế như: Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Đối với các hoạt động dịch vụ vận tải, rủi ro về giá chủ yếu do sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trong cùng ngành. Cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng để giữ vững uy tín với khách hàng.

Mặt khác, chi phí cho hoạt động vận tải của Công ty phụ thuộc khá lớn vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu. Trong giai đoạn gần đây, giá dầu trên thế giới luôn biến động theo chiều hướng tăng do những biến động về kinh tế chính trị tại Trung Đông, nơi tập trung các nước xuất khẩu dầu mỏ chủ yếu. Những biến động đó làm ảnh hưởng không tốt tới khách hàng của Công ty, những doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, và cũng tác động làm tăng chi phí hoạt động của Công ty, sẽ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Công ty hiện đang vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy thông qua đội sà lan. Việc vận chuyển hàng hóa trên đường thủy khiến công ty phải đối mặt với một số rủi ro đặc thù riêng biệt của việc vận tải đường thủy. Tuy nhiên việc Công ty tiến hành thuê ngoài các phương tiện vận tải sẽ giúp làm giảm thiểu các rủi ro đặc thù này.

4. Rủi ro tài chính

Đối với các khoản vay có thời hạn vay ngắn, sự biến động về lãi suất có thể sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả của Công ty. Ngoài ra, khi Công ty có kế hoạch đầu tư tài sản cố định như phát triển đội tàu hay xây dựng kho, cảng thì nhu cầu vay vốn dài hạn sẽ cần thiết để tài trợ cho các dự án. Nếu kế hoạch triển khai không hợp lý có thể dẫn đến rủi ro trong khả năng chi trả lãi vay cũng như vốn vay.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông **Trần Văn Hòa**	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ-Vận Tải xi măng Hải Phòng.
Ông **Vũ Xuân Bằng**	Chức vụ: Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
Ông **Khoa Năng Tuyên**	Chức vụ: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
Ông **Nguyễn Đăng Dương**	Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán tài chính Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
Ông **Phạm Đăng Lợi**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang Vinh**

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

Bản cáo bạch này là bản công bố thông tin do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 170/2007/BVSC/NV2-TV ký ngày 05/06/2007 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt và Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty: Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
- HPCTT: Tên tắt của Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
- Điều lệ Công ty: Điều lệ Công ty Cổ phần Thương Mại-Dịch Vụ- Vận Tải xi măng Hải Phòng.
- TTGDCKHN: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Lịch sử hình thành

Công ty cổ phần Thương mại - Dịch vụ - Vận tải Xi măng Hải `Phòng tiền thân là phân xưởng Cơ Giới, phân xưởng Sửa chữa sà lan, Đoàn vận tải thuỷ của Nhà máy xi măng Hải Phòng và Liên đội vận tải thuỷ, bộ thuộc Công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3 - Bộ Xây dựng, lịch sử phát triển của Công ty gắn liền vơí sự phát triển của Nhà máy xi măng Hải Phòng.

Giai đoạn từ 10/9/1899 đến 6/1955

Ngày 10/9/1899 Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương được thành lập cũng chính là ngày ra đời của Nhà máy xi măng Hải Phòng và của **Đoàn vận tải thuỷ, Đoàn vận tải bộ**. Công ty Xi măng Poóclan nhân tạo Đông Dương độc quyền khai thác nguyên liệu tại khu núi đá vôi Tràng Kênh nằm ở vùng hữu ngạn sông Đá Bạc cách Hải Phòng 17km theo đường chim bay và khai thác đất sét tại bãi sông cửa Cấm, toàn bộ khối lượng khai thác được đoàn vận tải thuỷ vận chuyển về Nhà máy là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng.

Giai đoạn từ ngày 6/11/1955 đến ngày 10/3/1997

Hoà bình được lập lại trên miền Bắc, Nhà máy Xi măng Hải Phòng phát động nhiều phong trào thi đua như phong trào thi đua " Ba nhất " , phong trào thi đua " Bốn ngọn cờ hồng " với khẩu hiệu hành động " Hãy sản xuất nhiều xi măng cho Tổ quốc ", trong cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ra miền Bắc, Nhà máy xi măng Hải Phòng nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến đảm bảo duy trì và đã sản xuất nhiều chủng loại xi măng để xây dựng các công trình quan trọng như công trình Lăng Bác, Bảo tàng Hồ Chí Minh, nhà máy xi măng Bỉm Sơn, nhà máy Kính đáp cầu, nhà máy thuỷ điện5

Hoà Bình, cầu Thăng Long… Cán bộ công nhân viên đơn vị vận tải luôn hoàn thành nhiệm vụ tiếp nhận vận chuyển hàng triệu tấn sản phẩm đầu ra để đảm bảo cho sản xuất được thường xuyên liên tục , ngoài ra đơn vị còn tiếp nhận và vận chuyển hàng triệu tấn hàng hoá thiết bị từ cảng Hải Phòng đến chân các công trình xây dựng nhà máy xi măng Bỉm Sơn Thanh Hoá, nhà máy Kính Đáp Cầu, nhà máy bê tông Đạo Tú, bê tông Xuân Mại, Cung văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Tiệp, nhà máy xi măng Bút Sơn, tham gia chiến dịch giải toả cảng Hải Phòng đưa hàng đến các tỉnh phía Bắc.

Sau giải phóng miền Nam theo sự chỉ đạo của Chính phủ, đơn vị đã tập trung toàn lực để cùng các ngành đường sông, đường biển vận chuyển tiêu thụ hàng chục triệu tấn xi măng cho các tỉnh phía nam để bình ổn giá cả thị trường và xây dựng đất nước.

Giai đoạn từ ngày 1/4/1997 đến ngày 28/2/2004

Theo định hướng phát triển của ngành xi măng và từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn cho các đơn vị thành viên trong Tổng công ty xi măng Việt Nam không ngừng trưởng thành về mọi mặt để cạnh tranh thắng lợi trên thương trường với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành. Chủ tịch HĐQT Tổng công ty xi măng Việt Nam đã ký quyết định số 110/XMVN - HĐQT ngày 1/4/1997 trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị là đoàn vận tải thuỷ, đoàn vận tải tiêu thụ sản phẩm, phân xưởng cơ giới, phân xưởng sửa chữa thuỷ thành **xí nghiệp Vận tải và Sửa chữa thuỷ** trực thuộc công ty Xi măng Hải Phòng.

Sau 7 năm hoạt động theo mô hình xí nghiệp trực thuộc công ty xi măng Hải Phòng, tập thể CBCNV của đơn vị từng bước trưởng thành về mọi mặt quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, với đội ngũ 420 CBCNV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ công nhân kỹ thuật, trung cấp, kỹ sư đến thạc sỹ, quản lý trên 8.520 tấn phương tiện thuỷ, 420 tấn phương tiện bộ, Xí nghiệp đã hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển các nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất xi măng và vận chuyển xi măng đến các công trình xây dựng, sản lượng vận chuyển thuỷ bộ đạt trên 1,2 triệu tấn/ năm, thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa phương tiện thuỷ bộ, đảm bảo việc làm đời sống cho người lao động ngày càng được cải thiện…

Giai đoạn từ 1/3/2004 đến 30/6/2007

Thực hiện chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về việc cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước trong xu thế nền kinh tế nước ta đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới, các doanh nghiệp quốc doanh quản lý theo cơ chế quan liêu bao cấp không còn phù hợp, đòi hỏi các doanh nghiệp nhà nước phải chuyển đổi mạnh mẽ để tồn tại và phát triển. Theo lộ trình cổ phần hoá của Tổng công ty xi măng Việt Nam, công ty xi măng HảI Phòng đã lập phương án cổ phần hoá từng bộ phận của công ty trước mắt cổ phần hoá Xí nghiệp vận tải và sửa chữa thuỷ . Phương án cổ phần hoá đã được Tổng công ty xi măng Việt Nam và Bộ Xây dựng chấp nhận. Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ra quyết

định số 1753/ QĐ - BXD ngày 29/12/2003 về việc: **Chuyển Xí nghiệp Vận tải và sửa chữa thuỷ** là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty xi măng Hải Phòng thành **Công ty cổ phần thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng** và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 1/3/2004 với số vốn điều lệ là 9.300.000.000 đồng, vào ngày 26/05/2007 tại Đại hội cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua nghị quyết trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty lên 10.415.580.000 đồng.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- **Tên Công ty** : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ-VẬN TẢI XI MĂNG HẢI PHÒNG**
- **Tên tiếng Anh** : **HAI PHONG CEMENT TRANSPORT AND TRADING JOIN STOCK COMPANY**
- **Tên viết tắt** : **HPCTT**
- **Biểu tượng của Công ty** :
- **Vốn điều lệ** : 10.415.580.000 VNĐ (*đồng*)
- **Trụ sở chính** : Số 290 Đường Hà Nội, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

  Điện thoại : (84-31) 3.525.154

  Fax : (84-31) 3.540.417
- **Giấy chứng nhận ĐKKD** : Số 0203000727 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/06/2007.
- **Ngành nghề kinh doanh** :
  - *Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh*
  - *Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương*
  - *Bốc xếp hàng hoá ga đường sắt, bốc xếp hàng hoá đường bộ, bốc xếp hàng hoá cảng biển, bốc xếp hàng hoá cảng sông.*
  - *Kho bãi và lưu giữ hàng hoá*
  - *Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khác liên quan đến vận tải.*

- *Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.*
- *Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống, dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác*
- *Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét*
- *Đại lý, môi giới, đấu giá*
- *Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác.*
- *Đại lý du lịch*
- *Điều hành tua du lịch*
- *Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch*
- *Xây dựng nhà các loại, Xây dưng công trình kỹ thuật dân dụng*
- *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác*
- *Phá dỡ*
- *Chuẩn bị mặt bằng*

2. Cơ cấu tổ chức

2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty như sau:

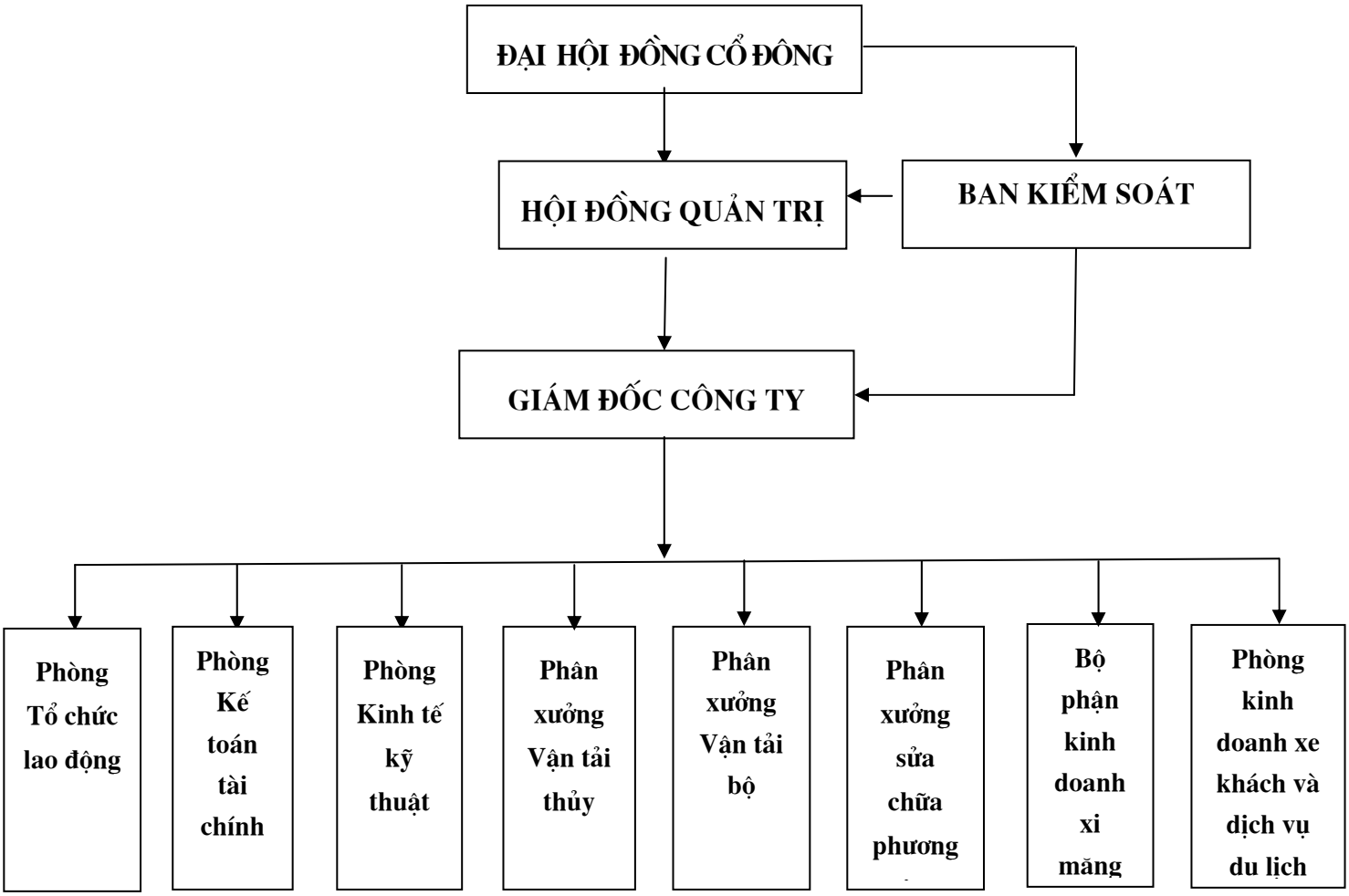

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại- Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòng có 05 thành viên.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc của công ty gồm có Giám đốc và 01 Phó Giám đốc điều hành. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Các phòng ban chức năng:

- Phòng Kế toán - Tài chính
- Phòng Tổ chức lao động
- Phòng Kinh tế kỹ thuật
- Phòng kinh doanh xe khách và kinh doanh du lịch
- Phòng Kinh doanh xi măng
- Phân xưởng Vận tải thủy
- Phân xưởng Vận tải bộ
- Phân xưởng Sửa chữa phương tiện

4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ Công ty

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
I	TCTY XI MĂNG VIỆT NAM	228 Lê Duẩn, quận Đống Đa, Hà Nội	543.020	52,1%

Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CP SỞ HỮU	TỶ LỆ (%)
I	TCTY XI MĂNG VIỆT NAM	228 Lê Duẩn, quận Đống Đa, Hà Nội	543.020	52,1%
II	CỔ ĐÔNG LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG VÀ NGOÀI DN (NGƯỜI ĐẠI DIỆN)		498.538	47,8%
1	KHOA NĂNG TUYÊN	Số 62 Ngô Gia Tự, khu D2, phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng		
2	ĐẶNG VĂN HẢI	Số 64/20 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng		

Cơ cấu cổ đông Công ty:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
Vốn Nhà nước	543.020	5.430.200.000	52,1%
Cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp	498.538	4.985.380.000	47,8%
Tổng cộng	**1.041.558**	**10.415.580.000**	

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức xin đăng ký, những Công ty mà tổ chức đăng ký nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký

– Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty.

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ
1	**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**	228 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

– Danh sách những Công ty mà Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòngnắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006
Doanh thu kinh doanh xi măng	2.330.000.000	3.461.000.000
Doanh thu vận tải thủy	6.809.000.000	6.121.000.000
Doanh thu vận tải bộ	3.740.000.000	7.847.000.000
Doanh thu vận tải hành khách	1.182.000.000	4.112.000.000
Doanh thu kinh doanh kho bãi	242.000.000	747.000.000
Doanh thu bốc xếp xi măng	-	1.325.000.000
Doanh thu khác	1.201.000.000	7.282.000.000
Tổng doanh thu	**15.504.000.000**	**30.895.000.000**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005 và 2006

b. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh từng nhóm sản phẩm, dịch vụ

STT	Khoản mục	Năm 2005		Năm 2006	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Kinh doanh xi măng	30.000.000	2,17	52.000.000	2,70
2	Vận tải thuỷ	134.000.000	9,68	465.000.000	24,14
3	Vận tải bộ	462.000.000	33,36	271.000.000	14,07
4	Vận tải hành khách	355.000.000	25,63	512.000.000	26,58
5	Kinh doanh kho bãi	185.000.000	13,36	549.000.000	28,50
6	Bốc xếp xi măng	-	-	28.000.000	1,45
7	Dịch vụ khác	219.000.000	15,81	49.000.000	2,54
	Tổng cộng	**1.385.000.000**		**1.926.000.000**	

Nguồn: Công ty TM-DV-VT xi măng Hải Phòng

6.2. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu

Hoạt động của Công ty Thương mại Dịch vụ Vận tải xi măng Hải Phòng bao gồm hai lĩnh vực chính là vận tải và thương mại.

Đối với lĩnh vực vận tải, nguồn nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là xăng dầu, nhiên liệu. Nhiên liệu được cung cấp rộng rãi tại các đại lý trong cả nước.

Đối với lĩnh vực thương mại nên nguyên vật liệu đầu vào của Công ty là nhiên vật liệu phục vụ cho việc sản xuất xi măng của nhà máy xi măng Hải Phòng như sét, clinker, than và sản phẩm xi măng.

+ Mặt hàng than, Công ty thực hiện vận chuyển của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam tại các mỏ than thuộc tỉnh Quảng Ninh về cung ứng cho Công ty xi măng Hải Phòng thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

+ Các loại vật liệu phụ gia xi măng như sét, clinker đóng bao. Công ty tiến hành vận chuyển loại phụ gia này, tổ chức vận chuyển và cung ứng cho các Công ty xi măng thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Đối với các mặt hàng đầu vào của Công ty, do có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung

ứng cũng như duy trì tốt mối quan hệ với các đơn vị cung cấp, các bạn hàng nên Công ty luôn đảm bảo được đầu vào ổn định đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải thuỷ bộ, bốc xúc, nạo vét bến cảng và kinh doanh xi măng, dịch vụ vận tải xe khách nên khi giá cả đầu vào biến động cũng sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty. Nên giá xăng dầu biến động thất thường cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng chính tới chi phí vận chuyển - chi phí chiếm tỷ trọng khá lớn của Công ty.

Mặt khác, hàng tồn kho của Công ty lớn trong khi giá sản phẩm đầu vào lại có xu hướng giảm thì nguy cơ thua lỗ là rất lớn và ngược lại sẽ mang đến lợi nhuận cao cho Công ty. Tuy nhiên, trước những biến động khó lường của giá cả thị trường trong những năm vừa qua, Công ty đã có những dự báo và chủ động dự trữ hàng hoá để tạo sự chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với tổng chi phí:

STT	YẾU TỐ CHI PHÍ	Năm 2005		Năm 2006		Quý 1/2007	
		Giá trị (triệu đồng)	% Tổng chi phí	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng chi phí	Giá trị (triệu đồng)	% Tổng chi phí
1	Giá vốn hàng bán	12.419.000.000	86,6%	25.714.000.000	89%	6.674.513.872	90%
2	Chi phí bán hàng	74.000.000	0,5%	296.000.000	1%	146.863.485	2%
3	Chi phí quản lý DN	1.851.000.000	12,9%	2.982.000.000	10%	629.469.820	8%
4	Chi phí hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-
	TỔNG	**14.344.000.000**	**-**	**28.992.000.000**	**-**	**7.450.847.177**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2005, 2006 và Báo cáo tài chính quý 1 năm 2007

- Giá vốn hàng bán: So với năm 2005, tỷ trọng giá vốn hàng bán/tổng chi phí năm 2006 tăng từ 86,58% lên 88,69%.
- Chi phí bán hàng: So với năm 2005, tỷ trọng chi phí bán hàng/tổng chi phí năm 2006 tăng từ 0,52% lên 1,02%. Nguyên nhân của sự gia tăng về tỷ lệ chi phí bán hàng trên tổng chi phí là do chi phí vận chuyển trong năm 2006 tăng cao hơn so với năm 2005.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: So với năm 2005, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp/ tổng chi phí năm 2006 đã giảm từ 12,9%% xuống 10,2.

Yếu tố chi phí có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của HPCTT, việc quản lý tốt trong kiểm soát các yếu tố chi phí dẫn đến giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty tương đối thấp so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

6.4. Trình độ công nghệ

Hoạt động của Công ty Thương mại Vận tải Xi măng Hải Phòng tập trung vào các mảng lớn là thương mại và vận tải xi măng. Đối với lĩnh vực vận tải, Công ty hiện có một đội xe và xà lan chuyên dùng phục vụ cho hoạt động chuyên chở xi măng và các nguyên liệu phụ trợ. Đội xe của công ty gồm 12 xe vận tải từ 3,5 tấn đến 13 tấn, 12 xe ca, 2 cần cẩu, 2 cầu nổi, đội sà lan bao gồm 19 sà lan và đội ca nô gồm 7 ca nô, một tầu tự hành 700 tấn. Các xe ôtô và xà lan của Công ty có công xuất lớn, phục vụ chuyên ngành cho việc vận tải xi măng. Một số phương tiện vận tải chính của Công ty

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên tài sản	Số lượng (chiếc)	Giá trị đầu tư (đồng/chiếc)
1	Xe Kamaz	05	320.496.762
2	Sà lan	19	410.000.000
3	Ca nô	7	430.000.000
4	Tàu tự hành	1	2.700.000.000
4	Xe ka	12	570.000.000

6.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tận dụng tối đa các nguồn lực hiện có của Công ty, trong giai đoạn tới, Công ty sẽ tập trung đầu tư và phát triển các hoạt động sau:

Tích cực huy động mọi nguồn lực, đầu tư phát triển phương tiện vận tải, trong giai đoạn 2007 - 2008 đến 2010 Công ty có 10.000 tấn phương tiện vận tải đường sông và đầu tư mới mua tàu biển chở hàng loại từ 5.000 đến 7.000 tấn để chủ động trong việc tham gia cung ứng than, vận chuyển xi măng, clinke Bắc – Nam cho nhu cầu của ngành xi măng cũng như các nhu cầu khác của Xã hội.

Công ty hiện sở hữu khu đất 9.200 m^2 tại 290 Sở dầu-Hồng bàng-Hải Phòng. Hiện nay Công ty

đang xem xét lựa chọn và xây dựng phương án đầu tư: bãi đỗ xe và nhà xe để kinh doanh, về lâu dài công ty đang xem xét lập dự án đầu tư trung tâm dịch vụ, du lịch khu vực Hải Phòng.

Đồng thời công ty đang sở hữu diện tích đất 4.000 m^2 và 100m kè hiện đang cho thuê bốc xếp hàng hóa tại Bến Quỳnh Cư.

6.6. Hoạt động Marketing

a. Kênh phân phối

Xi măng:

+ Thị trường đầu vào: Công ty mua xi măng của nhà may Xi măng Hải Phòng

+ Thị trường đầu ra: Công ty vận chuyển bán cho các dự án dân sinh, và luân chuyển Bắc vào trong miền Nam.

Các loại phụ gia xi măng:

+ Thị trường đầu vào: Công ty thu mua sét, và các phụ gia khác nguồn từ mỏ bên ngoài.

+ Thị trường đầu ra: Công ty vận chuyển và giao bán cho Công ty xi măng Hải Phòng và các công ty thành viên thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam...

Đối với hoạt động kinh doanh vận tải:

Toàn bộ dịch vụ vận tải của Công ty chủ yếu là cung cấp cho Công ty Xi măng Hải Phòng. Ngoài ra cân đối một phần năng lực cung cấp cho nhu cầu vận tải khu vực Duyên Hải phía Bắc.

Công ty Xi măng Hải Phòng là khách hàng chính cũng là đơn vị tiêu thụ toàn bộ sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Cùng với việc xây mới và nâng công suất của Công ty Xi măng Hải Phòng, thị trường đầu ra của Công ty là rất rộng lớn và vô cùng ổn định lâu dài.

b. Giá bán

Giá bán sản phẩm, dịch vụ do Công ty chủ động đàm phán và thống nhất với khách hàng cho phù hợp với từng thời điểm và tình hình thị trường trên cơ sở đảm bảo hiệu quả kinh tế.

Công ty đang từng bước xây dựng chính sách giá bán linh hoạt. Căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, khả năng thanh toán, uy tín, vùng thị trường, đối tượng khách hàng mà công ty xác định giá bán phù hợp cho từng đối tượng khách hàng.

c. Xúc tiến bán hàng, quảng bá thương hiệu

Nhận thức sâu sắc về vấn đề thương hiệu, Công ty đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và quảng bá thương hiệu của mình đối với khách hàng. Đặc biệt, khi Công ty chuyển sang

công ty cổ phần, việc xúc tiến bán hàng và quảng bá thương hiệu càng trở nên quan trọng và cấp thiết vì Công ty cần phải mở rộng thị phần chứ không chỉ cung ứng sản phẩm cho các đơn vị nội bộ trong Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.

6.7. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế, bản quyền

Logo của Công ty:

6.8. Các Hợp đồng lớn đang được thực hiện

STT	TÊN HỢP ĐỒNG	THỜI GIAN THỰC HIỆN	TRỊ GIÁ	ĐỐI TÁC
1	Mua xi măng	Năm 2007	9.864.000.000	Công ty XMHP
2	Xúc - Gạt - Cẩu vật tư, hàng hóa	Năm 2007	1.800.000.000	Công ty XMHP
3	Bốc xếp XM bằng thủ công và V/c XM bao	Năm 2007	3.600.000.000	Công ty XMHP
4	V/c vật tư, hàng hóa nội bộ NM và ngoài NM	Năm 2007	4.200.000.000	Công ty XMHP
5	Các hợp đồng nạo vét bến, cảng	Năm 2007	4.000.000.000	Công ty XMHP
6	V/c Than cám bằng PT thủy	Năm 2007		Công ty Vật tư Vận tải XM
7	Bán xi măng	Năm 2007	1.420.000.000	Công ty TNHH Anh Th
8	Bán xi măng	Năm 2007	1.420.000.000	Công ty CP Kỹ nghệ hạ tầng
9	Bán xi măng	Năm 2007	1.420.000.000	Công ty Việt Long
10	Bán xi măng cho khách lẻ	Năm 2007	5.964.000.000	
11	V/c Sét Núi na bằng PT thủy	Năm 2007	3.000.000.000	Công ty CP Vĩnh Thủy
12	Các HĐ Thuê PT nạo vét bến, cảng XMHP	Năm 2007	2.500.000.000	Công ty CP Thương mại Duy Linh
13	Thuê xe Ô tô, xe xúc	Năm 2007	4.800.000.000	Công ty CP Thương mại Tân Hoàng An

Nguồn: HPCTT

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất

a. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2006	QUÝ 1 NĂM 2007
1	Tổng tài sản	17.174.138.728	15.603.404.826
2	Doanh thu thuần	30.895.261.039	8.100.153.818
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.929.765.556	656.524.344
4	Lợi nhuận khác	-3.830.760	192.609.929
5	Lợi nhuận trước thuế	1.925.934.796	849.134.273
6	Lợi nhuận sau thuế	1.887.161.423	728.552.179
7	Tỷ lệ cổ tức	12%	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2006 và Báo cáo tài chính quý 1 năm 2007

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006

➢ **Thuận lợi**

Năm 2006, Công ty đã đạt kết quả vượt trội so với năm 2005. Lợi nhuận trước thuế năm 2006 bằng 139% so với năm 2005.

Công ty đã kiện toàn lại bộ máy, thực hiện thắt chặt và tiết kiệm tối đa các chi phí trực tiếp và gián tiếp, giảm hao hụt, tiến hành khoán chi phí.

Công ty nhận được sự ưu đãi, quan tâm từ Tổng công ty xi măng Việt Nam tạo điều kiện ưu đãi từ công ty xi măng Hải Phòng và sự ủng hộ của các công ty xi măng thành viên. Từ đó tạo nên ưu thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác.

Đội ngũ cán bộ giao nhận của Công ty dày dạn kinh nghiệm, chủ động xử lý công việc nhanh gọn và hiệu quả, do đó quá trình vận chuyển sản phẩm với nhiều chủng loại hàng hóa: như than, xi măng, các phụ gia sản xuất xi măng. Qua rất nhiều công đoạn nhưng tỷ lệ hao hụt luôn ở mức thấp và nằm trong tỷ lệ cho phép.

Đặc biệt, Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tổng công ty Xi măng tạo điều kiện ưu đãi của công ty xi măng Hải Phòng, Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và sự ủng hộ của các công ty xi măng thành viên.

➢ **Khó khăn**

Tình hình thị trường diễn biến phức tạp, chỉ số giá nhiều mặt hàng tăng cao đã có những ảnh hưởng không tốt tới hoạt động kinh doanh của Công ty;

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong công tác tổ chức và sắp xếp lại tổ chức nhưng cơ cấu lao động còn nhiều bất cập; năng suất, chất lượng chưa đạt được hiệu quả cao nhất.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

➢ ***Vị thế của Công ty trong ngành***

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ vận tải xi măng Hải Phòng là đơn vị chủ yếu cung ứng dịch vụ vận tải cho Công ty Xi măng Hải Phòng, do vậy Công ty chưa có sự cạnh tranh lớn về mặt hàng. Tuy nhiên, do duy trì được mối quan hệ tốt đẹp với Công ty xi măng Hải Phòng và có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vật chuyển,cung ứng nguyên vật liệu sản xuất xi măng nên được Công ty Xi măng Hải Phòng tín nhiệm.

Triển vọng phát triển của ngành

Đối với Công ty Cổ phần Thương mại- Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòng, sự phát triển của Công ty gắn liền với triển vọng phát triển của ngành sản xuất xi măng.

Trong những năm gần đây ngành công nghiệp sản xuất xi măng tại Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Thị trường sản xuất xi măng hiện nay ở Việt Nam có sự tham gia mạnh mẽ của các công ty xi măng liên doanh, xi măng lò đứng và các cơ sở nghiền.

Mặc dù sản lượng sản xuất xi măng của nước ta có tăng trưởng, huy động ở mức cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng xi măng cho xây dựng như thực tế hiện nay.

Theo ước tính, tổng công suất thiết kế của các nhà máy hiện có đang huy động hiện nay (kể cả trạm nghiền) là 21,96 triệu tấn xi măng, gồm có khoảng 18 triệu tấn xi măng được sản xuất từ nguồn Clinker trong nước (ứng với 14,41 triệu tấn clinker). Trong đó Tổng Công ty Xi măng Việt Nam là 7,16 triệu tấn (chiếm 49,6%), các công ty xi măng liên doanh là 4,74 triệu tấn (chiếm 32,9%), các cơ sở xi măng lò đứng là 2,5 triệu tấn (chiếm 17,5%).

Mặc dù sản lượng clinker của các lò nung trong nước đã huy động ở mức cao, song vẫn có sự thiếu hụt so với nhu cầu tiêu dùng xi măng trong nước. Trong giai đoạn hiện nay Nhà nước đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án mới, mở rộng năng lực sản xuất của các nhà máy xi măng để chủ động kịp thời đảm bảo nhu cầu xi măng trong nước giai đoạn 2001 - 2005 và 2005 - 2010, hạn chế nguồn clinker nhập khẩu.

Công suất thiết kế Clinker và Xi măng của ngành xi măng

Đơn vị tính: triệu tấn

TT	Tên công ty	Công suất thiết kế Clinker	Công suất huy động xi măng
I	**Tổng Công ty Xi măng Việt Nam**	**5.900**	**8.690**
1	Xi măng Hoàng Thạch 1+2	2.016	2.300
2	Thạch cao xi măng	1.100	1.800
3	Xi măng Hà Tiên 1 (trạm nghiền)		1.500
4	Xi măng Hà Tiên 2	1.200	600
5	Xi măng Hải Phòng	324	400
6	Xi măng Hải Vân (trạm nghiền)		690
7	Xi măng Hoàng Mai	1.260	1.400
II	**Xi măng liên doanh**	**4.750**	**5.810**
1	Xi măng Chinfon	1.260	1.400
2	Xi măng Sao Mai	1.260	1.760
3	Xi măng Văn Xá	400	500
4	Xi măng Nghi Sơn	1.830	2.150
III	**Xi măng lò đứng và các trạm nghiền**	**2.500**	**6.060**
1	Xi măng lò đứng	2.500	2.400
2	Trạm nghiền		3.660
	Tổng cộng	**13.150**	**20.560**

(Nguồn: Tổng Công ty Xi măng Việt Nam)

Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 7% - 7,5% trong giai đoạn 2001 - 2010, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 10% - 11%, nhu cầu xi măng của thị trường Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010 là rất lớn:

Dự kiến nhu cầu thị trường và sản lượng xi măng ở Việt Nam năm 2006 đến 2010

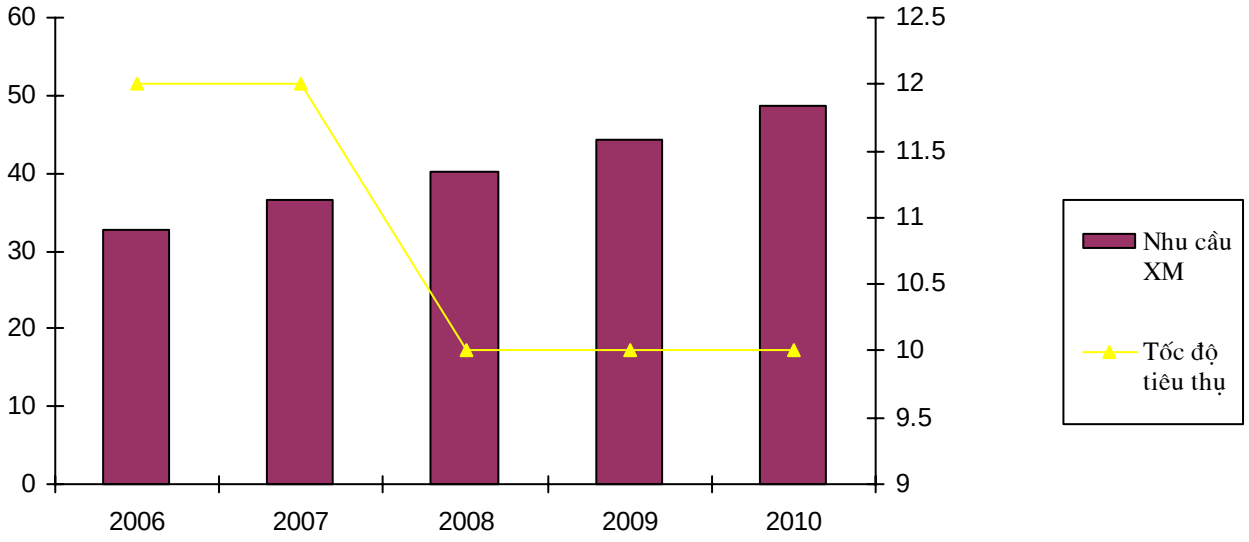

(Nguồn: Quyết định số 164/2002/QĐ-TTg ngày 18/11/2002 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020)

Qua số liệu dự báo trên cho thấy trong thời gian trước mắt, nhu cầu xi măng của thị trường Việt Nam rất lớn, giai đoạn 2006 đến 2010 dự kiến tốc độ tăng về nhu cầu sử dụng xi măng từ 10 - 15%/năm. Để đáp ứng nhu cầu sử dụng xi măng theo như dự báo trên, khả năng huy động giai đoạn 2006 đến 2010 (theo sản lượng clinker) được tính toán bao gồm sản lượng xi măng của các nhà máy hiện có và các nhà máy đang đầu tư xây dựng và các dự án đã được Chính phủ phê duyệt và cấp phép, đang chuẩn bị đầu tư xây dựng như sau:

Khả năng huy động công suất giai đoạn năm 2006 - 2010 theo sản lượng nghiền clinker trong nước, không tính các trạm nghiền

Đơn vị tính: triệu tấn

TT	TÊN NHÀ MÁY	2006	2007	2008	2009	2010
I	**Nhà máy hiện có (nguồn clinker trong nước)**	**20,91**	**22,16**	**22,61**	**24,01**	**24,01**
1	Hoàng Thạch 1+2	2,3	2,3	2,3	2,3	2,3
2	Bỉm Sơn	1,8	1,8	1,8	3,2	3,2
3	Bút Sơn	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4
4	Chinfon	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4
5	Sao Mai	1,76	1,76	1,76	1,76	1,76
6	Hà Tiên l+2	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
7	Văn Xá	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
8	Nghi Sơn	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15

9	Hoàng Mai	1,4	1,4	1,4	1,4	1,4
10	Xi măng lò đứng	2,4	2,4	2,4	2,4	2,4
11	Tam Điệp	1,25	1,4	1,4	1,4	1,4
12	Hải Phòng mới	1,25	1,4	1,4	1,4	1,4
13	Phúc Sơn	0,8	1,5	1,8	1,8	1,8
14	Sông Gianh	1,0	1,25	1,4	1,4	1,4
II	**Nhà máy chuẩn bị xây dựng**	**3,7**	**7,5**	**10,25**	**12,5**	**13,1**
1	Thái Nguyên	0,7	1,0	1,25	1,4	1,4
2	Thăng Long	0,8	1,2	1,7	2,3	2,3
3	Hạ Long	0,3	1,2	1,6	2,1	2,1
4	Bình Phước	-	0,5	1,0	1,5	1,8
5	Cẩm Phả	-	0,8	1,5	2,0	2,3
6	Hoàng Thạch 3	1,0	1,2	1,2	1,2	1,2
7	Bút Sơn 2	0,5	1,0	1,4	1,4	1,4
8	Tuyên Quang	0,4	0,6	0,6	0,6	0,6
	Tổng cộng (I+II)	**24,61**	**29,66**	**32,86**	**36,51**	**37,11**

(Nguồn: Tổng Công ty Xi măng Việt Nam)

Trên cơ sở dự báo nhu cầu và khả năng cung cấp xi măng hiện có trong ngành xi măng tới năm 2010, ta có thể cân đối khả năng cung, cầu xi măng trên thị trường như sau:

Cân đối cung cầu xi măng cả nước giai đoạn 2006-2010

Đơn vị : triệu tấn

TT	Năm	2006	2007	2008	2009	2010
1	Nhu cầu	32,6	36,5	40,1	44,2	48,6
2	Sản lượng	24,6	29,7	32,9	37,1	7,1
	Cân đối	**- 8,0**	**- 6,8**	**- 7,2**	**- 7,1**	**- 11,5**

(Nguồn: Quyết định số 164/2002/QĐ-TTg ngày 18/11/2002 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020)

Qua số liệu cung cầu xi măng trên cả nước thì lượng xi măng cần để đáp ứng nhu cầu sử dụng từ năm 2006 đến năm 2010 đối với nước ta vẫn còn thiếu một lượng xi măng tương đối lớn. Thị trường Xi măng trong nước trong thời gian tới còn rất tiềm năng.

Đối với hoạt động vận tải, triển vọng phát triển của Công ty gắn liền với nhu cầu vận tải biển của Tổng Công ty trong giai đoạn tới:

Căn cứ quy hoạch phát triển công nghiệp Xi măng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được ban hành kèm theo Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Thủ tướng Chính phủ, năng lực sản xuất xi măng trong Tổng Công ty và toàn quốc đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: triệu tấn

+ Năng lực sản xuất	**2010**	**2015-2020**
Toàn quốc	55,46	66,76
- Tổng Công ty Xi măng Việt nam	19,6	21,1
Miền Bắc	13,5	14,3
Miền Nam	6,1	6,8
- Khu vực khác	35,86	45,66
Miền Bắc	28,81	33,56
Miền Trung	5,1	6,25
Miền Nam	4,95	5,85
+ Nhu cầu	**2010**	**2015**
Toàn quốc	**46,8 – 51,4**	**59,5 – 65,5**
Miền Bắc	22,7	30,3
Miền Trung	4,9	6,6
Miền Nam	19,2	25,6

Với cân đối cung cầu xi măng như trên, đến năm 2010, riêng trong Tổng Công ty Xi măng Việt Nam với mục tiêu chiếm giữ 50% thị phần phía Bắc thì sẽ dư thừa khoảng 2 – 2,2 triệu tấn xi măng và clinker vào năm 2010. Vì vậy, Tổng Công ty phải có kế hoạch điều chuyển xi măng, clinker từ phía Bắc vào miền Trung, miền Nam (tính riêng việc cung cấp 100% clinker cho Xi măng Hà Tiên 1 thì nhu cầu đã là 2 triệu tấn/năm). Bên cạnh đó, do đặc thù vùng nguyên liệu , các nhà máy xi măng trong toàn ngành tập trung ở phía Bắc, do đó nhu cầu vận chuyển xi măng, clinker từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam là rất lớn.

Mặt khác, đối với tình hình thị trường vận tải biển hiện nay, có thể nhận định sơ bộ như sau:

- Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Việt Nam phát triển. Nhu cầu vận tải biển trong xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng lớn.

Nhu cầu vận tải hàng hóa nội địa Bắc - Nam của các ngành nói chung và của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam nói riêng cũng không nằm ngoài xu thế đó.

- Ngoại trừ Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) có đội tàu trẻ, phần lớn các Công ty còn lại đều sở hữu đội tàu già. Mặc dù Chính phủ đã có chủ trương ưu đãi phát triển nhưng lực lượng tàu biển Việt Nam còn chưa đáp ứng kịp nhu cầu.

- Đồng thời, thị trường vận tải trong nước hiện nay còn một số vấn đề sau:

  + Các Công ty vận tải biển lớn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam chủ yếu tập trung khai thác mảng thị trường nước ngoài và bỏ ngỏ thị trường nội địa cho các công ty vận tải biển nhỏ lẻ trong nước dẫn đến cung không đủ cầu;

  + Lực lượng tàu biển trong nước còn hạn chế với quy mô nhỏ nên khi có nhu cầu lớn đột xuất, thời tiết không thuận lợi rất khó đáp ứng;

Chính vì vậy, thị trường vận tải nội địa vẫn còn rất nhiều tiềm năng để khai thác.

➢ ***Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới***

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới là nâng cao năng lực của đoàn vận tải, tập trung đầu tư đội tàu biển và đoàn sà lan. Định hướng phát triển này hoàn toàn phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty cũng như chủ trương của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam vì những lý do sau:

- Hiện nay, với hoạt động chính là kinh doanh và vận chuyển các sản phẩm từ xi măng, than và các loại phụ gia xi măng, nhu cầu vận chuyển của Công ty là rất lớn. Năng lực hiện tại của Công ty chỉ đáp ứng được khoảng 5% nhu cầu, còn lại phải thuê các phương tiện bên ngoài. Do đó, việc nâng cao năng lực vận tải sẽ đáp ứng được nhu cầu vận chuyển của Công ty, giúp Công ty có thể đảm nhận được toàn bộ các khâu trong quá trình vận chuyển.

- Nhu cầu vận tải của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam trong giai đoạn tới là rất lớn do phải điều chuyển xi măng, clinker giữa ba miền Bắc, Trung, Nam nên Tổng Công ty Xi măng đã có chủ trương thông qua Công ty Cổ phần Vật tư vận tải xi măng nâng cao năng lực vận chuyển của Tổng Công ty về đường sông và đường biển.

9. Chính sách đối với người lao động

a. Tình hình lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/05/2007 là 151 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ người lao động	Năm 2007	Tỷ lệ %
Trình độ Cao học	2	1,3%
Trình độ Đại học	13	8,6%
Trình độ cao đẳng, trung cấp	4	2,6%
Công nhân kỹ thuật	132	87,4%
Tổng lao động	**151**	**100%**

Nguồn: HPCTT

b. Chính sách đối với người lao động

➢ ***Chế độ làm việc***

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h đối với các bộ phận văn phòng.

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và có đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản được bảo đảm theo đúng quy định của Bộ luật lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

➢ ***Chính sách tuyển dụng, đào tạo***

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc và có năng lực. Trong thời gian tới sẽ ưu tiên tuyển dụng và có chính sách đãi ngộ thoả đáng đối với những cán bộ có kinh nghiệm quản lý dự án phục vụ cho mục tiêu đầu tư và phát triển Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; kỹ năng về quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các cán bộ.

- Đào tạo nhân viên mới: sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo tại nơi làm việc: tuỳ thuộc vào kinh nghiệm, trình độ, năng lực của người nhân viên Công ty sẽ phân công công việc phù hợp từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp

đến cấp cao hơn. Những nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Đào tạo không thường xuyên: Công ty khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ, kiến thức để làm việc cho Công ty hiệu quả hơn.

➢

Công ty có chế độ lương riêng và bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Nhằm khuyến khích động viên mức độ đóng góp của cán bộ công nhân viên trong Công ty, góp phần tăng năng suất và chất lượng hoàn thành công việc, Công ty đưa ra chính sách trả lương theo công việc và bình xét các danh hiệu thi đua như lao động giỏi, chiến sỹ thi đua cấp công ty, Tổng Công ty, Bộ Xây dựng. Ngoài ra, Công ty xét thưởng thêm cho các cán bộ, tập thể nhân viên có nhiều đóng góp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bằng cách thưởng theo năm.

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thoả ước lao động tập thể. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì phong trào Văn- Thể - Mỹ.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả.

Cổ tức sẽ được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hay từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu đã thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT là cơ quan thực thi nghị quyết về việc này.

Năm 2006, Công ty tiến hành trả cổ tức là 12% trên mệnh giá cổ phần.

11. Tình hình hoạt động tài chính

➢ ***Các chỉ tiêu cơ bản***

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

➢ ***Trích khấu hao tài sản cố định***

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian sử dụng ước tính, phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

Nhà và vật kiến trúc :	05 - 15 năm
Máy móc thiết bị:	06 - 08 năm
Phương tiện vận tải	07 - 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý:	03 - 05 năm

➢ ***Thu nhập bình quân***

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 2.400.000 đồng/người. Thu nhập của cán bộ công nhân viên công ty tương đối cao và không ngừng được nâng cao về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó các chế độ chính sách đối với người lao động luôn được Công ty quan tâm giải quyết kịp thời, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động.

➢ ***Thanh toán các khoản nợ đến hạn***

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2005 và năm 2006 Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

➢ ***Các khoản phải nộp theo luật định***

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định.

➢ ***Trích lập các quỹ theo luật định***

Số dư các quỹ của năm 2006 và quý 1 năm 2007 như sau:

Đơn vị tính: đồng

CÁC QUỸ	Năm 2006	Quý 1/2007
Quỹ dự phòng tài chính	118.274.686	118.274.686
Quỹ đầu tư và phát triển	718.216.721	718.216.721
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	38.505.751	15.345.751
Dự phòng trợ cấp mất việc	-	-
Tổng cộng	874.997.158	851.837.158

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006 và Báo cáo tài chính quý 1/2007

➢ ***Tình hình công nợ hiện nay***

Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006		Quý 1/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	6.717.057.547	-	2.975.777.901	-
Trả trước cho người bán	-	-	205.000.000	-
Các khoản phải thu khác	116.097.199	-	4.322.613.580	-
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-	-
Tổng cộng	**6.833.154.746**	**-**	**7.503.391.481**	**-**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006 và Báo cáo tài chính quý 1/2007

Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006		Quý 1/2007	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	**4.725.346.874**	-	**2.449.220.793**	-
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	1.745.370.817	-	680.224.886	-
Người mua trả tiền trước	8.000.000	-	5.880.000	-
Các khoản phải nộp NN	-	-	-	-
Phải trả người lao động	1.585.441.132	-	567.690.522	-
Chi phí phải trả	1.202.469.976	-	973.904.671	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-
Phải trả, phải nộp khác	184.064.949	-	221.520.714	-
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng	**4.725.346.874**	-	**2.449.220.793**	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006 và Báo cáo tài chính quý 1/2007

Hàng tồn kho

Chi tiết hàng tồn kho năm 2006 và quý 1/2007 như sau:

Đơn vị tính: đồng

HÀNG TỒN KHO	Năm 2006	Quý 1/2007
Nguyên liệu, vật liệu	229.843.918	216.074.850
Công cụ, dụng cụ	19.510.735	20.030.735
Hàng hóa	2.388.197.400	3.427.033
Tổng cộng	**2.637.552.053**	**239.532.618**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006 và Báo cáo tài chính quý 1/2007

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)	
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,27
- Hệ số thanh toán nhanh:	
TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	1,71
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)	
- Hệ số nợ/Tổng tài sản:	0,28
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu:	0,38
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)	
- Vòng quay hàng tồn kho:	
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	17,55
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản:	1,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)	
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,11%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,21%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,99%
- Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	6,25%

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

A. Chủ tịch hội đồng quản trị - ÔNG TRẦN VĂN HÒA

- Họ và Tên: **Trần Văn Hoà**
- Số CMTND: 030648007 Ngày cấp: 10/12/1980

- Ngày tháng năm sinh: 01/03/1951
- Nơi sinh: Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phương, Hải Hậu, Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: 266D Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng.
- Số điện thoại cơ quan: 031.3775642
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1970-1976	Học đại học tại Liên Xô
T6/1976-T9/1980	Công ty dầu khí I- Thái Bình
Từ T10/1980-T6/1982	Công tác tại Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3, sau đổi tên thành Công ty cung ứng kinh doanh xi măng Hải Phòng
Từ T7/1982-T4/1983	Phó phòng kế hoạch Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3
Từ T5/1983-T1/1984	Phó phòng kỹ thuật Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3
Từ T2/1984-T12/1989	Phó trưởng trạm thứ nhất, Trạm giao nhận xi măng Phủ Lý Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3
Từ T1/1990-T10/1992	Trưởng phòng kỹ thuật vận tảI Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3
T11/1992-T7/1994	Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cung ứng vật tư thiết bị số 3
T8/1994-T8/1996	Phó giám đốc Công ty xi măng Hải Phòng
T9/1996-T8/2004	Phó giám đốc Công ty xi măng Hoàng Thạch
T9/2004-T11/2005	Hiệu trưởng Trường công nhân kỹ thuật xi măng
T12/2005 đến nay	Phó giám đốc kinh doanh Công ty xi măng Hải Phòng

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc kinh doanh Công ty xi măng Hải Phòng Chủ tịch HĐQT công ty CPTMDVVT xi măng
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Phó giám đốc công ty XMHP

- Số cổ phần đang nắm giữ :312.480 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu)
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

B. Thành viên HĐQT – ÔNG VŨ XUÂN BẰNG

- Họ và Tên: Vũ Xuân Bằng
- Số CMTND: 030204123 Ngày cấp: 05/11/1999.
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1955
- Nơi sinh: Bắc Sơn- Yên Thị - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Sơn - Ân Thị - Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: số 104 Cao Thắng - Hồng Bàng - Hải Phòng
- Số điện thoại cơ quan: 031.525154
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 1973- 1978	Học đại hoạc chính quy ngành cơ giới hoá máy xếp dỡ khoa cơ khí trường đại học Hàng hải Việt nam. Ra trường tháng 10/1978. Năm 1978 làm việc tại phòng kế hoạch vật tư công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3- Bộ Xây Dựng trụ sở tại HP
Năm 1982	Đội phó đội cần trục- liên đội vận tải thuỷ bộ công ty
Năm 1985	Đội trưởng đội cần trục - liên đội vận tải thuỷ bộ công ty
Năm 1988	Liên đội phó liên đội vận tải thuỷ bộ công ty KDXMHP
Năm 1991	Liên đội trưởng liên đội vận tải thuỷ bộ công ty KDXMHP
Năm 1993	Đoàn trưởng đoàn vận tải tiêu thụ sản phẩm công ty XMHP. Tốt nghiệp Đại học ngành kinh tế vận tải biển - Đại học hàng hảI Việt Nam.

Năm 1997	Giám đốc xí nghiệp vận tải và sửa chữa thuỷ công ty XMHP
Năm 1999	Tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế -Đại học hàng hảI Việt Nam.
Năm 2004	Giám đốc công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Vận tảI XMHP- Tổng công ty XMVN

- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc công ty CP Thương mại Dịch vụ Vận tải XMHP.
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần đang nắm giữ : 238.380
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

C. Thành viên HĐQT- ÔNG ĐẶNG VĂN HẢI

- Họ và Tên: Đặng Văn Hải
- Số CMTND: 031600097 Ngày cấp: 26/06/2006
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1958
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Hà-Thái Thuỵ-Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: số 64/20 Trần Nguyên Hãn-Cát Dài-Lê Chân - Hải Phòng.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch.
- Quá trình công tác:

1/1982-10/1987	Nhận công tác tại Phòng Kế hoạch công ty xi măng HảI Phòng.
10/1987-10/1990	Phòng Kế hoạch xí nghiệp cơ khí thiết bị xi măng HảI Phòng.
10/1990->đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch công ty xi măng HảI Phòng.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Kế hoạch
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần đang nắm giữ : 560
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

D. Thành viên HĐQT - ÔNG KHOA NĂNG TUYÊN

- Họ và Tên: Khoa Năng Tuyên
- Số CMTND: 030947880 Ngày cấp: 16/01/1991
- Ngày tháng năm sinh: 11/07/1957
- Nơi sinh: Đằng Lâm-Hải An-Hải Phòng.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đằng Lâm-Hải An-Hải Phòng.
- Địa chỉ thường trú: Số 62 Ngô Gia Tự, Cát bi, Hải An , Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư động lựcThạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

1977-1983	Học khoa động lực Trường đại học Bách khoa Hà Nội.
1984-1991	Công tác tại Liên đoàn vận tải Công ty vật tư thiết bị số 3 Bộ xây dựng
1/1991-1993	Liên đội phó-đoàn vận tải Công ty kinh doanh xi măng HảI Phòng.
1993-1997	Đoàn phó Đoàn vận tải Công ty xi măng HảI Phòng
1997-3/2004	Phó giám đốc xí nghiệp vận tải Công ty xi măng HảI Phòng.
3/2004->đến nay	Phó giám đốc Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Vận tảI xi măng HảI Phòng.

1992-1995	Đại học quản trị kinh doanh hệ chính quy-Trường đại học Bách khoa Hà Nội.
1995-1998	Học cao học quản trị kinh doanh Trường đại học Bách khoa Hà Nội.
1999-2001	Học Trung cấp chính trị-Quản lý Nhà Nước tại Trường Đảng Tô Hiệu-Hải Phòng.
2005-2006	Học Đại học phần trường Đại học công đoàn Hà Nội.

- Chức vụ công tác hiện nay: Uỷ viên HĐQT, Phó giám đốc, Chủ tịch công đoàn công ty.
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần đang nắm giữ : 5.600
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

E. Thành viên HĐQT- ÔNG ĐINH VĂN LIÊM

- Họ và Tên: Đinh Văn Liêm
- Số CMTND: 030648009 Ngày cấp: 18/08/1998
- Ngày tháng năm sinh: 03/01/1953
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Thắng-ý Yên-Nam Định.
- Địa chỉ thường trú: số 11A Phạm Minh Đức-Ngô Quyền - Hải Phòng.
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh công nghiệp.
- Quá trình công tác:

1970-1976	Phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam
1977-1980	Cán bộ giao nhận công ty cung ứng xi măng Hải Phòng.

1981-1993	Cán bộ công ty vật tư thiết bị số 3.
1993-1997	Cán bộ đoàn vận tải tiêu thụ sản phẩm công ty xi măng Hải Phòng.
19797-2004	Cán bộ xí nghiệp vận tải và sửa chữa thuỷ công ty xi măng Hải Phòng.
2004-2007	Trưởng phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Vận tải xi măng Hải Phòng.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Kinh tế-Kỹ thuật công ty CP Thương mại Dịch vụ Vận tải XMHP.
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần đang nắm giữ : 5.600
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

12.2. Thành viên Ban Kiểm soát

A. Trưởng ban kiểm soát - ÔNG PHẠM ĐĂNG LỢI

- Họ và Tên: Phạm Đăng Lợi
- Số CMTND: 031403980 Ngày cấp: 18/06/2003
- Ngày tháng năm sinh: 16/03/1977
- Nơi sinh: Nam Sách-Nam Thanh-Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Lương-Thanh Hà-Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú: Đoạn xá 2-HảI An - Hải Phòng.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

9/2000-11/2000	Công tác tại Chi cục dự trữ Đông Bắc Hải Phòng.

12/2000-1/2006	Phòng Kế toán Tài chính Công ty xi măng Hải Phòng.
1/2006->đến nay	Phó phòng Kế toán Tài chính Công ty xi măng Hải Phòng. Uỷ viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Vận tải xi măng Hải Phòng.
5/2007->đến nay	Phó phòng Kế toán Tài chính Công ty xi măng Hải Phòng. Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ-Vận tải xi măng HảI Phòng.

- Chức vụ công tác hiện nay: Trường phòng Kế hoạch
- Chức vụ nắm giữ các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần đang nắm giữ : 560
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

B. Thành viên ban kiểm soát - ÔNG TRẦN QUANG HIỂN

- Họ và tên : Trần Quang Hiển
- Số CMTND : 030954956 Cấp ngày 24/10/1991
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/07/1954
- Nơi sinh : Kiến An, Hải Phòng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hồng Thái, An Dương, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : Số 4 C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh doanh công nghiệp
- Quá trình công tác:

3/1971-9/1975	Nhân viên LĐTL, Công ty xây dựng Hải Phòng

10/1975-9/1978	Học Viên Trường Trung học nghiệp vụ kinh tế – Bộ xây dựng
10/1978-3/1988	Cán bộ LĐTL Công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3
4/1988-3/1991	Đi hợp tác lao động tại CHDC Đức
4/1991-3/1993	Cán bộ LĐTL Công ty cung ứng vật tư thiết bị số 3
4/1993-4/1997	Cán bộ LĐTL Công ty xi măng Hải Phòng
5/1997-2/2004	Trưởng phòng TCHC, XN Vận tải và s/c thủy, Công ty XM Hải Phòng
3/2004 đến nay	Trưởng phòng TCLĐ, Công ty cổ phần TM-DV-VT xi măng Hải Phòng

- Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng Phòng TCLĐ Công ty cổ phần TM-DV-VT xi măng Hải Phòng
- Uỷ viên Ban kiểm soát
- Uỷ viên BCH Đảng bộ, Bí thư chi bộ khối văn phòng

- Uỷ viên BCH Công đoàn công ty
- Số cổ phần nắm giữ : 4.088 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

C. Thành viên ban kiểm soát – BÀ HỒ THỊ VÂN

- Họ và tên : Hồ Thị Vân
- Số CMTND : 031011439
- Ngày sinh : 30/01/1966
- Nơi sinh : Mễ Sở, Văn Giang, Hưng Yên
- Quốc Tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê Quán : Hành Phong, Nghĩa Hành, Quảng Ngãi

- Địa chỉ thường trú : Đường Bạch Đằng, Thị Trấn Núi Đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị kinh doanh

10/1988-11/1999	Nhân viên LĐTL, XN Đá Tràng Kênh, Công ty Xi măng Hải Phòng
12/1999-2/2004	Phó Phòng TCHC, XN Đá Tràng Kênh, Công ty Xi măng Hải Phòng
3/2004-5/2006	Phó phòng TCHC, Ban QLDA Công ty xi măng Hải Phòng

- Chức vụ công tác hiện nay :
  - Phó phòng TCLĐ Công ty xi măng Hải Phòng
  - Uỷ viên Ban kiểm soát Công ty CP Thương mại-Dịch vụ- Vận tải Xi măng Hải Phòng.
- Số cổ phần nắm giữ : 1.120 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật(nếu có) : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Cổ phần nắm giữ bởi người có liên quan: Không

12.3. Ban giám đốc

A . Giám đốc - ÔNG VŨ XUÂN BẰNG

Lý lịch trình bày tại phần B

B . Phó giám đốc – ÔNG KHOA NĂNG TUYÊN

Lý lịch trình bày tại phần D

13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2006:

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	**Tài sản cố định hữu hình**	**25.929.985.068**	**6.409.487.449**	25%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	940.490.987	525.467.319	56%
2	Máy móc thiết bị	564.107.126	291.440.745	52%
3	Phương tiện vận tải	24.365.722.091	5.592.579.385	23%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	59.664.864	-	0%
II	**Tài sản cố định vô hình**	**-**	**-**	-
	Cộng	**25.929.985.068**	**6.409.487.449**	**25%**

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tới

CHỈ TIÊU	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	tăng giảm so với 2006 (%)	Giá trị	tăng giảm so với 2007 (%)	Giá trị	tăng giảm so với 2008 (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	10.416	12%	13.416	29%	30.000	124%
Doanh thu (triệu đồng)	32.000	4%	50.000	56%	82.000	64%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	2.100	11%	3.800	81%	8.700	129%
LN sau thuế /Doanh thu (%)	0.07	7%	0.08	16%	0.1	25%
LN sau thuế /Vốn chủ sở hữu (%)	0.2	0%	0.28	40%	0.29	4%
Cổ tức (%)	12%	0%	13%	8%	14%	8%

Nguồn : Công ty CP HPCTT

15. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích rõ vị thế của Công ty trong ngành, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ đang gặp phải, Công ty đã đề ra kế hoạch phát triển với định hướng phát huy tối đa những thế mạnh hiện có, khắc phục các điểm yếu hiện tại nắm bắt những cơ hội đặt ra, đảm bảo đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

Kế hoạch đầu tư: mua mới 02 tàu chở hàng tự hành 650T, mua mới 02 xe chở khách 35 chỗ ngồi, đầu tư 01 tàu biển chở hàng khô trọng tải 5000-7000DWT chạy tuyến Đông39

Nam á và Bắc Nam. Xây dựng dự án đầu tư xây dựng cảng Quỳnh Cư, dự án xây dựng toà nhà khách sạn và văn phòng cho thuê tại địa điểm 290 đường Hà Nội, Hồng Bàng, HP. Để đảm bảo đủ vốn cho đầu tư công ty dự kiến sẽ phát hành thêm cổ phiếu ra thị trường để huy động vốn với chính sách trả cổ tức theo quy định hiện hành.

Tổ chức thanh lý các tài sản đã cũ và không có nhu cầu sử dụng để thu hối vốn đầu tư, đến năm 2010 đổi mới toàn bộ công nghệ hiện có. Rà soát lại các định mức tiêu hao nhiên liệu, định mức chi phí ở tất cả các bộ phận, khai thác tốt các tài sản hiện có, sử dụng các chính sách về đòn bẩy tài chính để khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

Về thương mại công ty triển khai Phòng kinh doanh xi măng có trách nhiệm mở rộng thị trường ra các tỉnh phía Bắc, thâm nhập thị trường phía Nam, thành lập các đại lý bán xi măng ở các tỉnh. Ngoài bán xi măng Hải Phòng còn kinh doanh các mặt hàng khác theo yêu cầu của khách hàng như xi măng Phúc Sơn, xi măng Chingfong, vật liệu xây dựng...dự kiến tăng trưởng về thương mại đạt 15% năm.

Về dịch vụ: triển khai phòng Đại lý hàng hải và Phòng Xuất nhập khẩu làm dịch vụ cho các đơn vị có nhu cầu vận chuyển hàng hoá và xuất nhập khẩu uỷ thác, thành lập phòng xây dựng cơ bản để thi công các công trình dân dụng và hạ tầng.

Về tổ chức sản xuất công ty sẽ thành lập các xí nghiệp thành viên có tư cách pháp nhân không đầy đủ, hạch toán phụ thuộc để nâng cao tính chủ động, sáng tạo trong sản xuất kinh doanh gồm các xí nghiệp kinh doanh dịch vụ và du lịch, xí nghiệp vận tải thuỷ, xí nghiệp vận tải bộ, xí nghiệp cảng và xếp dỡ, mở thêm các chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Công ty sẽ tập trung vào nghiên cứu các dự án liên doanh, liên kết, đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp.

Về đào tạo và tuyển dụng: để thực hiện các dự án trên, công ty có chính sách thu hút nhân tài về làm việc tại công ty với mức lương hấp dẫn và điều kiện làm việc tốt, mặt khác công ty sẽ đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòng cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy với xu hướng phát triển của ngành sản xuất xi măng nói chung, nhu cầu tiêu thụ xi măng và tiềm năng phát triển của Công ty cổ phần Thương mại-Dịch vụ- Vận tải xi măng Hải Phòng nói riêng, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì sự tăng trưởng trong những năm tới. Với tốc độ phát triển của nền kinh tế Việt Nam được dự báo duy trì ở mức từ 7% - 8%/năm trong thời gian tới, nhu cầu xi măng cho

công cuộc xây dựng cơ bản là rất lớn, cũng có nghĩa là nhu cầu đối với mặt hàng thạch cao xi măng là lớn.

Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2007 - 2010 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Công ty không có tranh chấp kiện tụng.

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

1. Loại chứng khoán: **Cổ phần phổ thông**

2. Mệnh giá: **10.000 đồng**

3. Tổng số cổ phần đăng ký: **1.041.558 cổ phần**

4. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 10/11/2007 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá sổ sách cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}} = \frac{16.162.621.023}{1.041.558} = 15.517 \text{ đồng}$$

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước quy định: "Người nước ngoài được góp vốn hoặc mua cổ phần với mức không quá 30% vốn điều lệ của doanh nghiệp Việt Nam vào những ngành, nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cho từng thời kỳ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư".

Khi Công ty được niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán thì theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

6. Các loại thuế có liên quan

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Số thuế thu nhập doanh hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế.

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT

Địa chỉ: Số 94 Bà Triệu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84 - 4) 9433016 Fax: (84 - 4) 943 3012

Chi nhánh: Số 11 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84 - 8) 9141992 Fax: (84 - 8) 8218566

Website: www.bvsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: Số 229 Đồng Khởi, quận Quận I, Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84 – 8) 8 272 295 Fax: (84 – 8) 8 272 300

Website: www.auditconsult.com.vn

Hải phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2007

CHỮ KÝ CHỦ TICH HÔI ĐỒNG QUẢN TRI, TỔNG GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC	**CHỦ TỊCH HĐQT**
VŨ XUÂN BẰNG	**TRẦN VĂN HÒA**
KẾ TOÁN TRƯỞNG	**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
NGUYỄN ĐĂNG DƯƠNG	**PHẠM ĐĂNG LỢI**